

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về phân cấp thẩm quyền trong quản lý lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ Quy định nhập khẩu cây mang bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói;

Căn cứ Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; Nghị định 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ về quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm và trình tự thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường bộ;

Căn cứ Thông tư 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

*Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 58/2025/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày / /2026.*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### 2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- b) Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan

## **Điều 2. Nội dung phân cấp**

1) Thẩm quyền cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương II Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2026/NĐ-CP);

2) Thẩm quyền cấp, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 5 Điều 3 Chương II Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

3) Thẩm quyền cấp quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 4 Điều 5 Chương II Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

4) Thẩm quyền cấp quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón quy định tại khoản 2 Điều 7 Chương III Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

5) Thẩm quyền thu hồi quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón quy định tại Điều 8 Chương III Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

6) Thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón quy định tại Điều 11 Chương III Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

7) Thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón quy định tại Điều 12 Chương III Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

8) Thẩm quyền cấp, cấp lại, hủy bỏ Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng quy định tại Điều 15 Chương IV Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

9) Thẩm quyền Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 18 Chương VI Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (sau đây gọi tắt là 21 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT);

10) Thẩm quyền chuyên giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc quy định tại Điều 20 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

11) Thẩm quyền sửa đổi, đình chỉ hiệu lực, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyên giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc quy định tại Điều 21 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

12) Thẩm quyền Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 22 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP; Điều 21 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT;

13) Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 23 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

14) Thẩm quyền cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 24 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

15) Thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 25 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

16) Thẩm quyền ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 26 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

17) Thẩm quyền ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 27 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

18) Thẩm quyền xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 28 Chương VII Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

19) Thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật quy định tại khoản 6 Điều 2 Luật 146/2025/QH15; Điều 3, Chương II Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

20) Thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu phân bón Điều 17 Chương III Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

21) Thẩm quyền Cấp Quyết định phục hồi, Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng

phương pháp vô tính quy định tại Điều 8, Chương III, Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT;

22) Thẩm quyền cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng) quy định tại Điều 11 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT;

23) Thẩm quyền cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại quy định tại Điều 10 Thông tư 07/2026/TT-BNNMT;

24) Thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (đối với hàng hóa là hóa chất bảo vệ thực vật) quy định tại Khoản 4, Điều 14 Nghị định 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ về quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;

25) Thẩm quyền kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu quy định tại Điều 24 Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật; Điều 2 Thông tư số 77/2025/TT-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

26) Thẩm quyền Cấp Giấy, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 17 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

27) Thẩm quyền Cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng quy định tại Điều 16 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

### **Điều 3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục và quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nội dung được phân cấp theo quy định hiện hành.

2. Sở Nông nghiệp và môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp theo quy định của pháp luật; Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2026.
2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB & QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Văn phòng: tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND; UBND tỉnh;
- Các phòng: NC, HC-QT, TH, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**